TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN NHÀ BÈ** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2024/HS-ST
Ngày: 10/01/2024

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NHÀ BÈ - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Dung.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lâm Thị Thu;

2. Ông Phan Văn Tao.

- ***Thư ký phiên tòa*:** Ông Lê Chí Đông - Thư ký Toà án nhân dân huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa*:** Ông Phạm Hữu Quang - Kiểm sát viên.

Trong ngày 10 tháng 01 năm 2024, tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh đã mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 95/2023/HSST ngày 27/11/2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 443/2023/QĐXXST-HS ngày 14 tháng 12 năm 2023. đối với bị cáo:

Họ và tên: Huỳnh Văn T; giới tính: Nam; sinh ngày 15/10/1985, tại: Long An; HKTT: Ấp D, xã T, huyện C, tỉnh Long An; chỗ ở trước khi bị bắt: Không có nơi cư trú nhất định; học vấn: 02/12; nghề nghiệp: Làm thuê; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; con ông Huỳnh Văn S, sinh năm 1963 và bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1969; anh, chị, em ruột: Có bốn anh chị em, lớn nhất sinh năm: 1983, nhỏ nhất sinh năm: 1991; đã ly hôn vợ và có một người con, sinh năm 2013; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo Huỳnh Văn T bị bắt tạm giam từ ngày 14/7/2023, hiện đang bị tạm giam tại trại tạm giam C - Công an Thành phố H - Có mặt tại phiên tòa.

Bị hại:

1. Bà Nguyễn Thị Thu H, sinh năm 1974.

Địa chỉ: 2 N, Phường D, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh – Vắng mặt.

2. Ông Nguyễn Trọng N, sinh năm 1994.

Địa chỉ: Căn hộ I.04.10, Chung cư S, ấp E, xã P, huyện N, Thành phố Hồ Chí Minh – Vắng mặt.

3. Ông Trần Lê Minh N1, sinh năm 1992.

Địa chỉ: 7 P, Phường D, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long - Vắng mặt.

4. Ông Vương Duy T1, sinh năm 1988.

Địa chỉ: 5 A, Phường H, Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh – Vắng mặt.

5. Ông Phạm Ngọc Duy T2, sinh năm 1978.

Địa chỉ: E lô M, đường D, phường P, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh – Vắng mặt.

6. Bà Nguyễn Thị Mỹ H1, sinh năm 1981.

Địa chỉ: E Đ, Phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh - Vắng mặt.

7. Bà Phạm Thị Phụng M1, sinh năm 1969.

Địa chỉ: Căn hộ K.06.04, Chung cư S, ấp E, xã P, huyện N, Thành phố Hồ Chí Minh – Vắng mặt.

8. Bà Đinh Thị Lâm N2, sinh năm 2002.

Địa chỉ: Căn hộ I.16.01, Chung cư S, ấp E, xã P, huyện N, Thành phố Hồ Chí Minh – Vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Huỳnh Văn N3, sinh năm 1989.

Địa chỉ: Ấp P, xã K, huyện C, tỉnh An Giang – Vắng mặt.

2. Ông Huỳnh Tấn K, sinh năm 1985.

Địa chỉ: B L, Khu phố A, phường T, Quận G, Thành Phố Hồ Chí Minh – Vắng mặt.

3. Ông Nguyễn Nhật T3, sinh năm 1987.

Địa chỉ: A L, ấp E, xã P, huyện N, Thành phố Hồ Chí Minh – Vắng mặt.

4. Bà Trần Lan P, sinh năm 1969.

Địa chỉ: B L, Khu phố A, phường T, Quận G, Thành Phố Hồ Chí Minh – Vắng mặt.

5. Bà Đặng Thị Mộng T4, sinh năm 1968.

Địa chỉ: B Quốc lộ E, xã B, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh – Vắng mặt.

6. Ông Nguyễn Phước Lục L, sinh năm 1968.

Địa chỉ: B L, Khu phố A, phường T, Quận G, Thành Phố Hồ Chí Minh – Vắng mặt.

7. Ông Cao Anh Đ, sinh năm 1968.

Địa chỉ: 3 P, Phường A, Quận H, Thành phố Hồ Chí Minh – Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Huỳnh Văn T là nhân viên dịch vụ vệ sinh tại Chung cư S. Quá trình làm việc tại đây, Truyện biết được một số xe mô tô, gắn máy ít được người dân sử dụng và được để vào vị trí dưới gầm cầu thang bộ hầm B1, lô E của Chung cư. Do cần tiền tiêu xài nên T nảy sinh ý định trộm cắp xe mang đi bán. Truyện tìm thuê xe tải có thùng kín để khi chở các xe mô tô, gắn máy ra khỏi Chung cư và đi tiêu thụ thì không ai phát hiện. Truyện thuê xe của ông Cao Anh Đ và nói cần chở các xe mà T đã mua do Ban Q, cụ thể:

- Lần 1: Khoảng 10 giờ 00 ngày 11/6/2023, Truyện đã đến hầm B1, lô E Đức Tin dẫn 04 (bốn) chiếc xe gồm: Xe mô tô biển số 54U3-4640, xe gắn máy biển số demo 50EA-2941, xe mô tô biển số 43X1-8910 và xe mô tô biển số 64C1-023.85 đưa xuống hầm B2, lô E cất giấu. Khoảng 10 giờ 30 cùng ngày, T gọi điện thoại cho ông Đ điều khiển xe tải biển số 51C-269.41 đến Chung cư, Truyện ra dẫn vào đến chốt bảo vệ, T nói với ông Đinh Quang M2 (nhân viên bảo vệ) mở thanh chắn để cho xe tải lấy rác đi vào, lát nữa xe ra luôn. Vì Truyện là nhân viên vệ sinh của Chung cư nên ông M2 mở thanh chắn để xe tải đi vào. Khi đến hầm B2, ông Đ đã cùng T đưa lên xe tải gồm: Xe gắn máy biển số 50EA-2941, xe mô tô biển số 43X1-8910 và xe mô tô biển số 64CH 023.85. Do thùng xe chỉ chở được 03 (ba) chiếc xe nên Truyện để lại chiếc xe mô tô biển số 54U3-4640 tại tầng hầm B2. Sau đó, ông Đ điều khiển xe tải chở 03 xe trên đến dãy nhà trọ tại địa chỉ số B L, phường T, quận G, TP . thì T gọi điện thoại cho Hồ Văn A nhờ nhận xe và dẫn vào dãy nhà trọ. Khoảng 15 giờ 00 cùng ngày, T nói với mọi người trong khu nhà trọ cần bán 03 (ba) chiếc xe thanh lý không có chìa khóa, giá từ 2.500.000 đồng đến 3.000.000 đồng, nếu mua thì Ban Q sẽ đưa giấy tờ sau. Anh Huỳnh Văn N3 mua xe gắn máy biển số 50EA-2941 giá 3.000.000 đồng, bà Trần Lan P mua xe mô tô biển số 43X1-8910 giá 3.000.000 đồng và ông Nguyễn Phước Lục L mua xe mô tô biển số 64C1-023.85 giá 3.000.000 đồng.

- Lần 2: Biết thùng xe tải biển số 51C-269.41 chỉ chở được 03 (ba) chiếc xe nên ngày 12/6/2023, T dẫn thêm 02 chiếc xe gồm: Xe mô tô biển số 59LD-417.80 và xe mô tổ biển số 59P1-299.64 xuống hầm B2, đặt cạnh xe mô tô biển số 54U3-4640. Khoảng 11 giờ 30 cùng ngày, T đến chốt bảo vệ thì chị Nguyễn Bích T5 là nhẫn viên bảo vệ, thấy Truyện dẫn đường, nghĩ là xe vào chở rác nên đã mở thanh chắn để xe vào tầng hầm. Sau khi đưa 03 chiếc xe trên lên xe tải, ông Đ điều khiển xe ra khỏi tầng hầm và đến khu nhà trọ địa chỉ B L, phường T, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh, theo sự hướng dẫn của T. Khi đến nơi, T gọi điện thoại nhờ A dắt xe vào dãy nhà trọ, sau đó Truyện đến bán chiếc xe mô tô

biển số 59LD-417.80 cho anh Nguyễn Nhật T3 với giá 3.500.000 đồng, do chiếc xe mô tô biển số 59P1-299.64 quá cũ không có người mua nên T để lại trong bãi giữ xe của nhà trọ còn chiếc xe mô tô biển số 54U3-4640 thì Truyện sử dụng làm phương tiện đi lại.

- Lần 3: Ngày 16/6/2023, Truyện dẫn 03 chiếc xe gồm: Xe mô tô biển số 37L4-2367, xe mô tô biển số 59C2-905.98 và xe mô tô biển số 59F1-392.87 đưa xuống hầm B2. Khoảng 19 giờ 20 cùng ngày, T gọi điện thoại để ông Đ điều khiển xe tải biển số 51C-269.41 đi đến chốt bảo vệ, lúc này T đã đứng sẵn ở chốt và nói anh Lê Huỳnh Phước H2 (nhân viên bảo vệ): "Mở thanh chắn để cho xe tải lấy rác đi vào, lát ra luôn". Biết T là nhân viên vệ sinh của Chung cư nên anh H2 mở thanh chắn để xe tải đi vào. Sau khi đưa 03 chiếc xe trên lẫn xe tải. Ra khỏi Chung cư ông Đ đề nghị mua lại chiếc xe mô tô biển số 59C2-905.98, thì T đồng ý bán với giá 4.000.000 đồng. Ông Đ đưa trước 3.500.000 đồng và thỏa thuận khi nào nhận được giấy xe sẽ tiếp tục đưa số tiền còn lại. Theo sự hướng dẫn của T, ông Đ điều khiển xe đến nhà bà T4 (là mẹ vợ cũ của T) giao 02 xe mô tô còn lại, bà T4 thanh toán tiền mua xe mô tô biển số 59F1-392.87 cho Truyện là 3.500.000 đồng, còn chiếc xe mô tô biển số 37L4-2367 thì Truyện tặng cho bà T4.

- Lần 4: Khoảng 10 giờ 30 ngày 22/6/2023, Truyện dẫn 03 chiếc xe gồm: Xe mô tô biển số 86B3-817.82, xe mô tô biển số 64K1-353.78 và xe mô tô biển số 59S3-667.96 đưa xuống tầng hầm B2. Khoảng 11giờ 20 cùng ngày, T đã đứng sẵn ở chốt bảo vệ nói với ông M2 (nhân viên bảo vệ) mở thanh chắn cho xe tải của ông Đ đi vào. Sau khi đưa 03 (ba) chiếc xe trên lên xe tải, ông Đ chở các xe này đến dãy nhà trọ địa chỉ B L, phường T, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh theo yêu cầu của Truyện. Sau đó, anh N3 mua xe mô tô biển số 86B3-817.82 với giá 3.000.000 đồng và xe mô tô biển số 59S3-667.96 với giá 3.000.000 đồng. Còn xe mô tô biển số 64K1- 353.78, Truyện bán cho anh Huỳnh Tấn K với giá 5.000.000 đồng.

Tổng số tiền T bán các xe trộm cắp được là 30.500.000 đồng, số tiền này T đã tiêu xài cá nhân hết. Số tiền T thuê ông Đ chở 04 chuyến xe là 2.000.000 đồng.

Nhận được thông tin của cư dân trong Chung cư thông báo việc bị mất xe tại tầng hầm B1, Lô E, Chung cư S, anh Nguyễn Viết N4 là giám sát bảo vệ tại Chung cư, xem lại hệ thống camera thì phát hiện Huỳnh Văn T đã trộm cắp các xe mô tô trên và đã nghỉ việc nên anh N4 đến Công an xã P trình báo sự việc. Công an xã P lập hồ sơ ban đầu và chuyển đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện N thụ lý theo thẩm quyền.

Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện N, Huỳnh Văn T đã thừa nhận toàn bộ hành vi chiếm đoạt các chiếc xe nêu trên.

Kết luận định giá tài sản số: 37/KL-HĐĐGTSTTHS ngày 13/7/2023; số 38/KL-HĐĐGTSTTHS ngày 14/7/2023 và số 42/KL-HĐĐGTSTTHS ngày

03/8/2023 của Hội đồng định giá tài sản Tố tụng hình sự, Ủy ban nhân dân huyện N, kết luận: 12 xe mô tô, xe gắn máy nêu trên có giá trị là 152.000.000đ (Một trăm năm mươi hai triệu đồng).

Vật chứng vụ án:

1. 01 (một) cái điện thoại di động nhãn hiệu ViVo; gắn sim số 0374600520; số IMEI: 866243059828177, tình trạng đã qua sử dụng (điện thoại do Huỳnh Văn T sử dụng).

2. Xe mô tô biển số 43X1-8910; số khung RLCS5C6107Y161847; số máy 5C61161847.

3. Xe mô tô biển số 59LD-417.80; số khung RLHJF5813GY345371; số máy JF66E-0342868.

4. Xe mô tô biển số 37L4-2367; số khung ZAPM1900003505496; số máy M196M7891.

5. Xe mô tô (biển số 59F1-392.87); số khung SKRLCN1DB10CY038192; số máy 1DB1038195 (xe đã bị mất biển số).

6. Xe mô tô biển số 54U3-4640; số khung RLCM23B109Y011598; số máy 23B1011598 (Đã trao trả cho chị Nguyễn Thị Thu H chủ sở hữu hợp pháp, cư trú tại 2 N, phường D, Quận A. TP H).

7. Xe gắn máy biển số 50EA-2941, nhãn hiệu Honda, số loại C50, màu Đen, (Đã trao trả cho anh Nguyễn Trọng N chủ sở hữu hợp pháp, cư trú tại căn hộ A. 10, Chung cư S, ấp E, xã P).

8. Xe mô tô biển số 64C1-023.85; số khung RLHHC120XBY149369; số máy HC12E2949382, (Đã trao trả cho anh Trần Lê Minh N1 chủ sở hữu hợp pháp, cư trú tại 7 P, phường D, Tp ., tỉnh Vĩnh Long).

9. Xe mô tô biển số 59P1-299.64; số khung RNG6CH2NGB1000147; số máy VZS152FMH-3000147, Đã trao trả cho anh Vương Duy T1 chủ sở hữu hợp pháp, cư trú tại 5 A, phường H, Quận E, TP H).

10. Xe mô tô biển số 59C2-905.98; số khung RLCUE3210JY248675; số máy E3X9E-589279, (Đã trao trả cho anh Phạm Ngọc D Toàn chủ sở hữu hợp pháp, cư trú tại 51 lô M, đường D, phường P, Quận G, TP H).

11. Xe mô tô biển số 59S3-667.96; số khung RLHJK0315NY541184; số máy JK03E2545557, (Đã trao trả chochị Nguyễn Thị Mỹ H1 chủ sở hữu hợp pháp cư trú tại E Đ, phường B, quận B, TP H).

12. Xe mô tô biển số 64K1-353.78; số khung RLHJK0313LZ304037; JK03E6004087, (Đã trao trả cho bà Phạm Thị Phụng M1 chủ sở hữu hợp pháp số cư trú tại căn hộ K.06.04, Chung cư S, ấp E, xã P).

13. Xe mô tô biển số 86B3-817.82; số khung RLHJF5831LY054380; số máy JF86E2333125, (Đã trao trả cho chị Đinh Thị Lâm N2 chủ sở hữu hợp pháp, cư trú tại căn hộ I.16.01, Chung cư S, ấp E, xã P).

Do không xác định được chủ sở hữu hợp pháp của các xe mô tô biển số 43X1 − 8910, xe mô tô biển số 37L4 – 2367, xe mô tô biển số 59LD - 417.80 và xe mô tô biển số 59F1 - 392.87 nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện N tiến hành đăng báo tìm chủ sở hữu nhưng đến nay vẫn chưa có ai đến liên hệ. Xác minh tại Phòng PC01 Công an Thành phố H, các xe mô tô trên không có trong dữ liệu phương tiện bị trộm cắp.

- Về dân sự: Người bị hại đã nhận lại tài sản. Gia đình T khắc phục trả lại tiền cho những người mua xe do Truyện bán nên không có yêu cầu gì khác.

Tại phiên tòa bị cáo khai nhận hành vi phạm tội.

Tại Bản cáo trạng số: 88/CT-VKS-NB ngày 23/11/2023, Viện kiểm sát nhân dân huyện Nhà Bè đã truy tố bị cáo Huỳnh Văn T về tội "Trộm cắp tài sản" theo điểm c, khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, trong phần tranh luận đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nhà Bè vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173; điểm b, s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 và Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017: Xử phạt bị cáo Huỳnh Văn T từ 04 (bốn) năm 06 (sáu) tháng đến 05 (năm) năm tù.

- Về xử lý vật chứng: Giao Chi cục thi hành án dân sự huyện Nhà Bè tiếp tục bảo quản các xe mô tô biển số 43X1 − 8910, xe mô tô biển số 37L4 – 2367, xe mô tô biển số 59LD - 417.80 và xe mô tô biển số 59F1 - 392.87 cho đến khi hết thời hạn tìm kiếm theo quy định tại Điều 288 Bộ luật dân sự. Hết thời hạn đăng tin tìm kiếm mà không tìm được chủ sở hữu thì tịch thu sung công quỹ 04 chiếu xe mô tô nêu trên; tịch thu sung công quỹ Nhà nước 01 (một) cái điện thoại di động nhãn hiệu ViVo; gắn sim số 0374600520; số IMEI: 866243059828177, tình trạng đã qua sử dụng.

- Về dân sự: Người bị hại đã nhận lại tài sản, gia đình T khắc phục trả lại tiền cho những người mua xe do Truyện bán nên không có yêu cầu gì thêm.

Bị cáo khai nhận hành vi chiếm đoạt tài sản của người bị hại phù hợp với nội dung bản cáo trạng đã được tóm tắt như trên, không tự bào chữa, không tranh luận và đã thể hiện sự ăn năn hối cải, đề nghị được giảm nhẹ hình phạt.

Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện N, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện N, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, các đương sự không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan cảnh sát điều tra và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, thể hiện:

Vào khoảng thời gian từ ngày 11/6/2023 đến ngày 22/6/2023, tại hầm B1, lô E của Chung cư C, xã P, huyện N, Thành phố Hồ Chí Minh, Huỳnh Văn T đã 04 lần thực hiện hành vi " Trộm cắp tài sản" là xe mô tô của cư dân sống tại chung cư. Căn cứ Kết luận định giá tài sản số: 37/KL-HĐĐGTSTTHS ngày 13/7/2023; số 38/KL-HĐĐGTSTTHS ngày 14/7/2023 và số 42/KL-HĐĐGTSTTHS ngày 03/8/2023 của Hội đồng định giá tài sản Tố tụng hình sự, Ủy ban nhân dân huyện N, tổng giá trị tài sản trộm cắp là 152.000.000 đồng. Hành vi của bị cáo đã cấu thành tội "Trộm cắp tài sản", tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 như Viện kiểm sát nhân dân huyện Nhà Bè truy tố là đúng người, đúng tội.

Bị cáo phạm tội là do lỗi cố ý, thể hiên sự coi thường pháp luật và gây nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản, đồng thời còn gây ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự, trị an tại địa phương. Bị cáo nhận thức rõ hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng do lười lao động, để có tiền tiêu xài cá nhân đã 04 lần thực hiện hành vi trộm cắp tài sản của người khác. Do đó, cần phải được xử lý nghiêm nhằm răn đe, giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung.

[3] Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo đã trộm cắp tài sản 04 lần với tổng số 12 xe mô tô, xe gắn máy, như vậy thuộc trường hợp phạm tội từ 2 lần trở lên quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Về tình tiết giảm nhẹ: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, Huỳnh Văn T có thái độ khai báo thành khẩn, ăn năn hối. Gia đình T đã bồi thường toàn bộ số tiền mà người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bỏ ra để mua xe gắn

máy, xe mô tô do bị cáo khi trộm cắp mà có. Do đó, bị cáo được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[4] Về hình phạt bổ sung: Bị cáo không có nghề nghiệp, không có nguồn thu nhập ổn định, hiện đang bị tạm giam, do đó Hội đồng xét xử xem xét không buộc bị cáo phải chịu phạt tiền theo khoản 5 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[5] Về xử lý vật chứng:

- 08 (tám) xe mô tô, xe gắn máy bao gồm: Xe mô tô biển số 54U3-4640, số khung RLCM23B109Y011598, số máy 23B1011598; Xe gắn máy biển số 50EA-2941, nhãn hiệu Honda, số loại C50, màu Đen; Xe mô tô biển số 64C1-023.85, số khung RLHHC120XBY149369, số máy HC12E2949382; Xe mô tô biển số 59P1-299.64, số khung RNG6CH2NGB1000147, số máy VZS152FMH-3000147; Xe mô tô biển số 59C2-905.98, số khung RLCUE3210JY248675, số máy E3X9E-589279; Xe mô tô biển số 59S3-667.96, số khung RLHJK0315NY541184, số máy JK03E2545557; Xe mô tô biển số 64K1-353.78, số khung RLHJK0313LZ304037, JK03E6004087 và Xe mô tô biển số 86B3-817.82, số khung RLHJF5831LY054380, số máy JF86E2333125. Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện N đã trao trả 08 xe này cho chủ sở hữu hợp pháp là có cơ sở, Hội đồng xét xử không xem xét.

- 04 (bốn) xe mô tô, gồm có: Xe mô tô biển số 43X1-8910, số khung RLCS5C6107Y161847, số máy 5C61161847; Xe mô tô biển số 59LD-417.80, số khung RLHJF5813GY345371, số máy JF66E-0342868; Xe mô tô biển số 37L4-2367; số khung ZAPM1900003505496; số máy M196M7891 và Xe mô tô (biển số 59F1-392.87); số khung SKRLCN1DB10CY038192; số máy 1DB1038195 (xe đã bị mất biển số). Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện N đã tiến hành đăng báo tìm chủ sở hữu nhưng đến nay vẫn chưa có ai đến liên hệ nên đã chuyển nhập kho tài sản tang vật (BL 567). Do đó, cần tiếp tục giao cho Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nhà Bè bảo quản 04 chiếc xe mô tô nêu trên. Trường hợp khi hết thời hạn đăng báo quy định tại Điều 288 Bộ luật Dân sự năm 2015 mà không tìm được chủ sở hữu thì tịch thu sung công quỹ.

- 01 (một) cái điện thoại di động nhãn hiệu ViVo; gắn sim số 0374600520; số IMEI: 866243059828177, tình trạng đã qua sử dụng. Truyện sử dụng điện thoại này trong quá trình liên lạc gọi thuê xe của ông Đ để chở các xe mô tô, xe gắn máy ra khỏi tầng hầm B1 của chung cư S. Hội đồng xét xử xét thấy, đây là công cụ phương tiện phạm tội do đó tịch thu sung vào công quỹ Nhà nước.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Gia đình bị cáo đã bồi thường toàn bộ số tiền mua xe do Truyện trộm cắp cho người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, bị hại đã nhận lại tài sản do Truyện trộm cắp. Bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên

quan không có yêu cầu nào khác trong vụ án, do đó Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về án phí: Bị cáo Huỳnh Văn T phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Huỳnh Văn T phạm tội "Trộm cắp tài sản".

1. Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173; Điều 38; điểm b, s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt: Bị cáo Huỳnh Văn T 04 (bốn) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 14/7/2023.

2. Về xử lý vật chứng:

2.1 Tịch thu sung công quỹ: 01 (một) cái điện thoại di động nhãn hiệu ViVo; gắn sim số 0374600520; số IMEI: 866243059828177, tình trạng đã qua sử dụng.

2.2 Giao Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh tiếp tục bảo quản 04 (bốn) xe mô tô, gồm có: Xe mô tô biển số 43X1-8910, số khung RLCS5C6107Y161847, số máy 5C61161847; Xe mô tô biển số 59LD-417.80, số khung RLHJF5813GY345371, số máy JF66E-0342868; Xe mô tô biển số 37L4-2367; số khung ZAPM1900003505496; số máy M196M7891 và Xe mô tô (biển số 59F1-392.87); số khung SKRLCN1DB10CY038192; số máy 1DB1038195 (xe đã bị mất biển số). Khi hết thời hạn đăng thông báo quy định tại Điều 288 Bộ luật Dân sự năm 2015 mà không tìm được chủ sở hữu thì tịch thu sung công quỹ.

Theo Phiếu nhập kho số: 2024-NK003 ngày 13/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Về án phí: Căn cứ vào các Điều 135, 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Luật Phí và lệ phí và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng.

4. Về quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày Tòa tuyên án bị cáo được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm đến Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh. Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phạm Thị D1